| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 1 – TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 46/2026/QĐST - HNGĐ | *Tây Ninh, ngày 24 tháng 02 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 397, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 47/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

- Bà Lương Mỹ D, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau.

- Ông Bùi Tiến M, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, tỉnh Tây Ninh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Lương Mỹ D và ông Bùi Tiến M tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Long An (nay là Uỷ ban nhân dân xã T, tỉnh Tây Ninh) vào ngày 05/9/2022, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Tại phiên hòa giải ngày 09 tháng 02 năm 2026, hai bên thực sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1**. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: bà Lương Mỹ D và ông Bùi Tiến M tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà Lương Mỹ D và ông Bùi Tiến M xác định có 01 con chung tên Bùi Nh, sinh ngày 24/01/2022. Bà Lương Mỹ D và ông Bùi Tiến M thống nhất thỏa thuận: giao con chung chưa thành niên tên Bùi Nh, sinh ngày 24/01/2022 cho bà Lương Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng, ông Bùi Tiến M không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Lương Mỹ D không có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: bà Lương Mỹ D và ông Bùi Tiến M thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Về nợ chung: bà Lương Mỹ D và ông Bùi Tiến M thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập

Về các vấn đề khác: Không yêu cầu.

**2**. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết sơ thẩm việc dân sự là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Bà Lương Mỹ D và ông Bùi Tiến M thỏa thuận bà Lương Mỹ D và ông Bùi Tiến M có nghĩa vụ cùng chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự. Chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí bà Lương Mỹ D và ông Bùi Tiến M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002029 ngày 27/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh thành lệ phí giải quyết việc dân sự.

**3**. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4**. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND cấp xã nơi đăng ký kết hôn;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Đặng Thị Cẩm Nhung**